

GIẤY CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ MẪU E (C/O MẪU E)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2010/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Bộ Công thương thực hiện Quy tắc Thủ tục cấp và kiểm tra xuất xứ sửa đổi và Quy tắc cụ thể mặt hàng theo hệ thống hài hòa phiên bản 2007 trong Hiệp định Thương mại

hàng hóa thuộc Hiệp định khung về hợp tác kinh tế toàn diện giữa Hiệp hội các quốc gia Đông Nam á và nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa)

Original (Duplicate/Triplicate)

1. Products consigned from (Exporter's business name, address, country)			Reference No. ASEAN-CHINA FREE TRADE AREA PREFERENTIAL TARIFF CERTIFICATE OF ORIGIN (Combined Declaration and Certificate)		
2. Products consigned to (Consignee's name, address, country)			Issued in <u> FORM E </u> (Country) See Overleaf Notes		
3. Mean of transport and route (as far as known) Departure date Vessel's name/Aircraft etc. Port of Discharge			4. For Official Use ' Preferential Treatment Given ' Preferential Treatment Not Given (Please state reason/s) Signature of Authorised Signatory of the Importing Party		
5. Item number	6. Marks and numbers on packages	7. Number and type of packages, description of products (including quantity where appropriate and HS number of the importing Party)	8. Origin criteria (see Overleaf Notes)	9. Gross weight or other quantity and value (FOB)	10. Number and date of Invoices
11. Declaration by the exporter The undersigned hereby declares that the above			12. Certification It is hereby certified, on the basis of		



details and statement are correct; that all the products were produced in (Country) and that they comply with the origin requirements specified for these products in the Rules of Origin for the ACFTA for the products exported to (Importing Country) Place and date, signature of authorised signatory	control carried out, that the declaration by the exporter is correct. Place and date, signature and stamp of Certifying authority
13 <input type="checkbox"/> Issued Retroactively <input type="checkbox"/> Exhibition <input type="checkbox"/> Movement Certificate <input type="checkbox"/> Third Party Invoicing	

OVERLEAF NOTES

1. Parties which accept this form for the purpose of preferential treatment under the ASEAN-CHINA Free Trade Area Preferential Tariff:

- | | | |
|----------------------|-------------|-----------|
| BRUNEI
DARUSSALAM | CAMBODIA | CHINA |
| INDONESIA | LAOS | MALAYSIA |
| MYANMAR | PHILIPPINES | SINGAPORE |
| THAILAND | VIETNAM | |

2. CONDITIONS: The main conditions for admission to the preferential treatment under the ACFTA Preferential Tariff are that products sent to any Parties listed above:

(i) must fall within a description of products eligible for concessions in the country of destination:

(ii) must comply with the consignment conditions that the products must be consigned directly from any ACFTA Party to the importing Party but transport that involves passing through one or more intermediate NON-ACFTA Parties, is also accepted provided that any intermediate transit, transshipment or temporary storage arises only for geographic reasons or transportation requirements: and

(iii) must comply with the origin criteria given in the next paragraph.

3. ORIGIN CRITERIA: For exports to the above mentioned countries to be eligible for preferential treatment, the requirement is that either:



(i) The products wholly obtained in the exporting Party as defined in Rule 3 of the Rules of Origin for the ACFTA:

(ii) Subject to sub-paragraph (i) above for the purpose of implementing the provisions of Rule 2 (b) of the Rules of Origin for the ACFTA, products worked on and processed as a result of which the total value of the materials, parts or produce originating from NON-ACFTA Parties or of undetermined origin used does not exceed 60% of the FOB value of the product produced or obtained and the final process of the manufacture is performed within territory of the exporting Party;

(iii) Products which comply with origin requirements provided for in Rule 2 of the Rules of Origin for the ACFTA and which are used in a Party as inputs for a finished product eligible for preferential treatment in another Party/parties shall be considered as a product originating in the Party where working or processing of the finished product has taken place provided that the aggregate ACFTA content of the final product is not less than 40%; or

(iv) Products which satisfy the Product Specific Rules provided for in Attachment B of the Rules of Origin for the ACFTA shall be considered as products to which sufficient transformation has been carried out in a Party.

If the products qualify under the above criteria, the exporter must indicate in Box 8 of this form the origin criteria on the basis of which he claims that his products qualify for preferential treatment, in the manner shown in the following table:

Circumstances of production or manufacture in the first country name in Box 11 of this form	Insert in Box B
(a) Products wholly produced in the country of exportation (see paragraph 3 (i) above)	"WO"
(b) Products worked upon but not wholly produced in the exporting Party which were produced in conformity with the provisions of paragraph 3 (ii) above	Percentage of single country content, example 40%
(c) Products worked upon but not wholly produced in the exporting Party which were produced in conformity with the provisions of paragraph 3 (iii) above	Percentage of ACFTA cumulative content, example 40%
(d) Products satisfied the Product Specific Rules (PSR)	"PSR"

4. EACH ARTICLE MUST QUALIFY: It should be noted that all the products in a consignment must qualify separately in their own right. This is of particular relevance when similar articles of different sizes or spare parts are sent.



5. DESCRIPTION OF PRODUCTS: The description of products must be sufficiently detailed to enable the products to be identified by the Customs Officers examining them. Name of manufacturer, any trade mark shall also be specified.
6. The Harmonised System number shall be that of the importing Party.
7. The term "Exporter" in Box 11 may include the manufacturer or the producer. In the case of MC the term "Exporter" also includes the exporter in the intermediate Party,
8. FOR OFFICIAL USE: The Customs Authority of the importing Party must indicate (Ö) in the relevant boxes in column 4 whether or not preferential treatment is accorded
9. Movement Certificate: In cases of Movement Certificate, in accordance with Rule 12 of the Operational Certification Procedures. "Movement Certificate" in Box 13 should be ticked (Ö). The name of original issuing Authorities of the Party, date of the issuance and the reference number of the original Certificate of Origin (Form E) to be indicated in Box 13.
10. THIRD PARTY INVOICING: In cases where invoices are issued by a third country, "the Third Party Invoicing in Box 13 shall be ticked (Ö). The invoice number shall be indicated in Box 10. Information such as name and country of the company issuing the invoice shall be indicated in Box 7.
11. EXHIBITIONS: In cases where products are sent from the exporting Party for exhibition in another Party and sold during or after the exhibition for importation into a Party, in accordance with Rule 22 of Attachment A of the Rules of Origin for the ACFTAL the "Exhibitions" in Box 13 should be ticked (Ö) and the name and address of the exhibition indicated in Box 2.
12. ISSUED RETROACTIVELY: In exceptional cases, due to involuntary errors or omissions or other valid causes, the Certificate of Origin (Form E) may be issued retroactively in accordance with Rule 11 of Attachment A of the Rules of Origin for the ACFTA. The "Issued Retroactively" in Box 13 shall be ticked (Ö).

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI C/O MẪU E

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2010/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Bộ Công thương thực hiện Quy tắc Thủ tục cấp và kiểm tra xuất xứ sửa đổi và Quy tắc cụ thể mặt hàng theo hệ thống hài hòa phiên bản 2007 trong Hiệp định Thương mại hàng hóa thuộc Hiệp định khung về hợp tác kinh tế toàn diện giữa Hiệp hội các quốc gia Đông Nam á và nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa)

C/O mẫu E phải được khai bằng tiếng Anh và đánh máy. Nội dung khai phải phù hợp với tờ khai hải quan đã làm thủ tục hải quan và các chứng từ khác như vận đơn, hóa đơn thương mại và Biên bản kiểm tra xuất xứ của Tổ chức Giám định hàng hóa xuất nhập khẩu (trong trường hợp có yêu cầu kiểm tra). Nội dung kê khai C/O mẫu E cụ thể như sau:

1. Ô số 1: ghi tên giao dịch của người xuất khẩu, địa chỉ, tên quốc gia xuất khẩu (Việt Nam).
2. Ô số 2: ghi tên người nhận hàng, địa chỉ, tên nước.



3. Ô trên cùng bên phải: do Tổ chức cấp C/O ghi. Số tham chiếu gồm 13 ký tự, chia làm 5 nhóm, chi tiết cách ghi như sau:

a) Nhóm 1: 02 ký tự "VN" (viết in hoa) là viết tắt của hai (02) chữ Việt Nam.

b) Nhóm 2: 02 ký tự (viết in hoa) là viết tắt tên nước nhập khẩu, quy định các chữ viết tắt như sau:

CN:	Trung Quốc	TH:	Thái Lan
BN:	Brunei	LA:	Lào
KH:	Campuchia	ID:	Indonesia
MY:	Malaysia	MM:	Myanmar
PH:	Philippines	SG:	Singapore

c) Nhóm 3: 02 ký tự biểu hiện năm cấp C/O

d) Nhóm 4: 02 ký tự, thể hiện tên Tổ chức cấp C/O theo danh sách được Bộ Công thương ủy quyền với các mã số như sau:

STT	Tên đơn vị	Mã số
1	Phòng quản lý xuất nhập khẩu khu vực Hà Nội	1
2	Phòng quản lý xuất nhập khẩu khu vực Thành phố Hồ Chí Minh	2
3	Phòng quản lý xuất nhập khẩu khu vực Đà Nẵng	3
4	Phòng quản lý xuất nhập khẩu khu vực Đồng Nai	4
5	Phòng quản lý xuất nhập khẩu khu vực Hải Phòng	5
6	Phòng quản lý xuất nhập khẩu khu vực Bình Dương	6
7	Phòng quản lý xuất nhập khẩu khu vực Vũng Tàu	7
8	Phòng quản lý xuất nhập khẩu khu vực Lạng Sơn	8
9	Phòng quản lý xuất nhập khẩu khu vực Quảng Ninh	9
10	Phòng Quản lý xuất nhập khẩu khu vực Lào Cai	71
11	Phòng Quản lý xuất nhập khẩu khu vực Thái Bình	72
12	Phòng Quản lý xuất nhập khẩu khu vực Thanh Hóa	73
13	Phòng Quản lý xuất nhập khẩu khu vực Nghệ An	74
14	Phòng Quản lý xuất nhập khẩu khu vực Tiền Giang	75



15	Phòng Quản lý xuất nhập khẩu khu vực Cần Thơ	76
16	Phòng Quản lý xuất nhập khẩu khu vực Hải Dương	77
17	Phòng Quản lý xuất nhập khẩu khu vực Bình Trị Thiên	78
18	Phòng Quản lý xuất nhập khẩu khu vực Khánh Hòa	80

đ) Nhóm 5: 05 ký tự, biểu hiện số thứ tự của C/O Mẫu E.

e) Giữa các nhóm 3, nhóm 4 và nhóm 5 có dấu gạch chéo "/"

Ví dụ: Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực thành phố Hồ Chí Minh cấp C/O Mẫu E mang số thứ 6 cho một lô hàng xuất khẩu sang Trung Quốc trong năm 2007 thì cách ghi số tham chiếu của C/O Mẫu E này sẽ là: VN-CN 07/2/00006.

4. Ô số 3: Ngày khởi hành, tên phương tiện vận tải (nếu gửi bằng máy bay thì đánh "By air", nếu gửi bằng đường biển thì đánh tên tàu) và tên cảng bốc dỡ hàng.

5. Ô số 4: Để trống. Sau khi nhập khẩu hàng hóa, cơ quan hải quan tại cảng hoặc địa điểm nhập khẩu sẽ đánh dấu thích hợp trước khi gửi lại cho tổ chức đã cấp C/O Mẫu E này.

6. Ô số 5: Danh mục hàng hóa (01 mặt hàng, 01 lô hàng, đi 01 nước, trong một thời gian)

7. Ô số 6: Ký hiệu và số hiệu của kiện hàng

8. Ô số 7: Số kiện hàng, loại kiện hàng, mô tả hàng hóa (bao gồm số lượng và mã HS của nước nhập khẩu).

9. Ô số 8: Hướng dẫn cụ thể như sau:

Hàng hóa được sản xuất tại nước có tên đầu tiên ở ô số 11 của C/O này gồm các trường hợp sau:	Điền vào ô số 8:
a) Hàng hóa có xuất xứ thuần túy hoặc được sản xuất toàn bộ tại người xuất khẩu theo Điều 3 của Phụ lục 1 Quyết định 12/2007/QĐ-BTM	Ghi "WO"
b) Hàng hóa có xuất xứ không thuần túy theo Điều 4 của Phụ lục I Quyết định 12/2007/QĐ-BTM	Ghi tỉ lệ phần trăm hàm lượng được tính theo giá FOB của hàng hóa được sản xuất hay khai thác tại Việt Nam, chẳng hạn ghi 40%
c) Hàng hóa có xuất xứ không thuần túy theo Điều 4 và Điều 5 của Phụ lục I Quyết định 12/2007/QĐ-BTM (xuất xứ cộng gộp)	Ghi tỉ lệ phần trăm hàm lượng cộng gộp ACFTA được tính theo giá FOB, chẳng hạn ghi 40%
d) Hàng hóa đáp ứng Điều 6 của Phụ lục I Quyết định 12/2007/QĐ-BTM	Ghi "PSR"



10. Ô số 9: Trọng lượng cả bì của hàng hóa (hoặc số lượng khác) và giá trị FOB.
11. Ô số 10: Số và ngày của hóa đơn thương mại.
12. Ô số 11:
- Dòng thứ nhất ghi chữ "Vietnam".
 - Dòng thứ hai ghi đầy đủ tên nước nhập khẩu.
 - Dòng thứ ba ghi địa điểm cấp, ngày tháng năm, và chữ ký của người được ủy quyền ký cấp.
13. Ô số 12: do tổ chức cấp C/O ghi
14. Ô số 13:
- Trường hợp cấp sau theo quy định tại Điều 11, Phụ lục 2 thì đánh dấu vào ô: "ISSUED RETROACTIVELY"
 - Trường hợp sản phẩm được gửi từ Bên xuất khẩu để tham gia triển lãm tại một Bên khác và được bán trong hoặc sau triển lãm tại Bên nhập khẩu theo quy định tại Điều 22, Phụ lục 2 thì đánh dấu vào ô "Exhibition", tên và địa chỉ nơi diễn ra triển lãm phải ghi rõ tại Ô số 2
 - Trường hợp sản phẩm được cấp C/O giáp lưng theo quy định tại Điều 12, Phụ lục 2 thì đánh dấu vào ô "Movement Certificate", tên Tổ chức cấp C/O mẫu E gốc, ngày cấp và số tham chiếu của C/O mẫu E gốc phải được ghi rõ tại Ô số 13;
 - Trường hợp hóa đơn phát hành tại Bên thứ ba theo quy định tại Điều 23, Phụ lục 2 thì đánh dấu vào ô "Third Party Invoicing", số hóa đơn phải được ghi rõ tại Ô số 10, tên công ty phát hành hóa đơn và tên Nước mà công ty này đặt trụ sở tại Nước đó phải được ghi rõ tại Ô số 7.
- Mời bạn đọc cùng tham khảo thêm tại mục [thủ tục hành chính](#) trong mục [biểu mẫu](#) nhé.

